TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 10 – 5 – 2023
"V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Đông Hồ
Ông Nguyễn Thanh Tùng
Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM, ngày 13 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp " *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM, ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Q.

Địa chỉ: Lô số A1-A2, Khu C, xã S, huyện Cam Lâm, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hữu N, sinh năm 1982, theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2023(Có mặt).

Địa chỉ: Số 714A/14, khu vực B, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Đại lý P (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1982(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/12/2018 Công ty TNHH Q và Đại lý P có ký Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số HĐPP/LT/CMA-04 với nội dung Công ty TNHH Q bán thức ăn nuôi trồng thủy sản cho Đại lý P. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Đại lý P ngừng giao dịch với công ty Công ty TNHH Q nhưng vẫn còn nợ tiền hàng tính đến hết ngày 31/3/2022 số tiền 441.010.969 đồng thể hiện tại bản đối chiếu công

nợ ngày 07/4/2022 và đến nay vẫn chưa thanh toán. Công ty TNHH Q đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Đại lý P thanh toán nhưng đến nay vẫn không thanh toán. Nay Công ty TNHH Q yêu cầu Đại lý P phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Q số tiền nợ gốc là 441.010.969 đồng và tiền lãi đối với số tiền trên từ ngày 13/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho Đại lý P, bà Hồ Thị Đ biết về việc Công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua thức ăn tôm là 441.010.969 đồng và tiền lãi đối với số tiền trên từ ngày 13/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Tòa án đã tống đạt cho Đại lý P, bà Hồ Thị Đ thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng Đại lý P, bà Hồ Thị Đ không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của Công ty TNHH Q. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hòa giải đối với Đại lý P được. Tòa án tiến hành triệu tập Đại lý P, bà Hồ Thị Đ để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Đại lý P, bà Hồ Thị Đ vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án xét xử vắng mặt Đại lý P theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Q và bị đơn Đại lý P là quan hệ pháp luật về " *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* " được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại Ấp S, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Đại lý P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hai phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 20/4/2023 và 07 giờ 30 phút ngày 10/5/2023, mặc dù bị đơn đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung tranh chấp giữa các đương sự: Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Đại lý P trả số tiền là nợ gốc là 441.010.969 đồng và tiền lãi đối với số tiền trên từ ngày 13/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất chậm trả 10%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch mua bán hàng hóa là thức ăn nuôi trồng thủy sản giữa các bên đương sự là có xảy ra trên thực tế và được phía bị đơn là Đại lý P thống nhất số nợ mà ông còn đã nợ Công ty TNHH Q số tiền mua thức ăn nuôi

trồng thủy sản tính tới thời điểm ngày 31/3/2022 là 441.010.969 đồng thể hiện tại bảng đối chiếu công nợ ngày 07/4/2022 có chữ ký và chữ viết của bà Hồ Thị Đ là Đại diện theo pháp luật của Đại lý P. Về phần lãi suất chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền 441.010.969 đồng từ ngày 13/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất chậm trả 10%/năm. Đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 do các bên không có thỏa thuận lãi suất chậm trả nên lãi suất chậm trả tính là 10%/năm (0,83%/tháng), đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính theo quy định tại Bộ luật dân sự mà không yêu cầu tính theo lãi suất trung bình của ba Ngân hàng thương mại, xét thấy đây là sự tự nguyên của nguyên đơn nên cần được chấp nhận. Do đó bị đơn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả của số tiền 441.010.969 đồng từ ngày 13/6/2022 đến ngày 10/5/2023 là 441.010.969 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng 27 ngày = 39.898.200 đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Đại lý P đã biết việc Công ty TNHH Q khởi kiện và biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng Đại lý P không có ý kiến phản đối hay đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả số vàng cho Công ty TNHH Q hay chưa, nên việc Công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích ở trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc Đại lý P phải trả cho Công ty TNHH Q số tiền nợ gốc 441.010.969 đồng và lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.898.200 đồng, tổng cộng 480.909.000 đồng.

[6] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch*: Buộc Đại lý P phải chịu trên số tiền 480.909.000 đồng là 23.236.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q.

Buộc Đại lý P phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Q số tiền nợ thức ăn nuôi trồng thủy sản vốn gốc 441.010.969 đồng và lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.898.200 đồng, tổng cộng 480.909.000 đồng. (Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, Đại lý P chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc Đại lý P phải chịu số tiền là 23.236.200 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Công ty TNHH Q không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 10.820.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008724, ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước (Do ông Võ Quốc Toản nộp), được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Công ty TNHH Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại lý P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt